

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1155/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng
đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Lâm Đồng, tổng diện tích tự nhiên là 9.773,54 km², dân số 1.259.255 người (năm 2014); bao gồm 02 thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và 10 huyện (huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên), ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận;
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Phước;
- Phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu và tính chất

a) Mục tiêu:

- Xây dựng và phát triển vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 trở thành vùng kinh tế động lực trong vùng Tây Nguyên, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, theo hướng hiện đại.

- Là trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế.

- Phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh, khả thi và phù hợp với xu thế hội nhập, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển ngành du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch canh nông và du lịch văn hóa - di sản, danh lam thắng cảnh tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng.

- Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

- Phát triển các không gian đô thị, làng đô thị xanh, không gian du lịch, không gian sản xuất nông nghiệp hài hòa với không gian cảnh quan rừng đặc trưng và không gian bảo tồn đa dạng sinh học của vùng cao nguyên.

- Quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

b) Tính chất

- Là vùng kinh tế động lực của vùng Nam Tây Nguyên; vùng bảo tồn rừng cảnh quan, tài nguyên nước và đa dạng sinh học của vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và quốc gia; bảo vệ đầu nguồn hệ thống sông Đồng Nai, Sêrêpôc, sông Lũy, sông Cái Phan Rang.

- Là vùng đặc thù về nông nghiệp chuyên canh; Trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế; Trung tâm công nghiệp chế biến nông lâm sản và khoáng sản; Trung tâm dịch vụ - du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch canh nông và du lịch văn hóa - di sản, danh lam thắng cảnh tầm quốc gia và quốc tế; Trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành tầm quốc gia; Trung tâm nghiên cứu hạt nhân, sinh học cấp quốc gia; Trung tâm chăm sóc sức khỏe cấp quốc tế.

- Đầu mối giao thương quốc tế của vùng và quốc gia; trung tâm giao thương của 3 vùng: Vùng Tây Nguyên, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng duyên hải Nam Trung Bộ; đầu mối giao thông đường bộ quan trọng của vùng Nam Tây Nguyên.

- Vùng có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh đối với Tây Nguyên và cả nước.

3. Sơ bộ dự báo quy mô dân số và đất đai

a) Về dân số:

- Đến năm 2025 dân số toàn tỉnh khoảng 1,46 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 51%.

- Đến năm 2035, dân số khoảng 1,68 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa khoảng 61%.

- Dự báo khách du lịch: Đến năm 2020 khoảng 7,25 triệu lượt người, đến năm 2030 khoảng 13 triệu lượt người và tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về khách du lịch 10% trong đó khách quốc tế chiếm 20%.

b) Về đất đai:

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 14.000 - 16.000 ha, đến năm 2035 khoảng 18.000 - 20.000 ha, đến năm 2050 là 22.000 - 25.000 ha;

- Dự báo đất khai thác du lịch đến năm 2020 khoảng 8.000 - 10.000 ha, đến năm 2030 khoảng 12.000 - 15.000 ha.

- Dự báo đất xây dựng nông thôn là 8.000 - 10.000 ha.

(Dự báo này sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch)

4. Yêu cầu nghiên cứu

a) Mối quan hệ vùng

- Nghiên cứu tác động ngoại vùng: Xác định vai trò và vị thế của tỉnh Lâm Đồng trong mối quan hệ vùng quốc tế, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của quốc gia, vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung Bộ; tác động kinh tế - thương mại - văn hoá tại vị trí giao thương của ba vùng kinh tế trọng điểm: Vùng Tây Nguyên, vùng Thành phố Hồ Chí Minh - vùng phát triển năng động nhất Việt Nam và vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

- Nghiên cứu tác động nội vùng: Ảnh hưởng từ các không gian chức năng chính đến vùng tỉnh Lâm Đồng như: Thành phố Đà Lạt và phụ cận, Khu kinh tế - quốc phòng Bắc Lâm Đồng, các khu công nghiệp tập trung, sân bay

Liên Khuong, các di sản văn hóa, các đầu mối giao thông quốc gia như: Đường hàng không, đường sắt, mạng lưới đường quốc lộ; Khu dự trữ sinh quyển thế giới LangBiang...

b) Đánh giá hiện trạng vùng tỉnh Lâm Đồng

- Về điều kiện tự nhiên, môi trường: Đánh giá đặc điểm tự nhiên (về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy hải văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn, tài nguyên...). Phân tích đặc điểm địa hình đặc trưng trong mối liên kết với các khu vực cảnh quan đặc thù như: Các khu vực thác nước, vườn quốc gia Bidoup Núi bà, vườn quốc gia Cát Tiên...; đánh giá ảnh hưởng tiêu cực, tích cực của điều kiện tự nhiên tới các khu vực dự kiến xây dựng hệ thống đô thị hoặc các khu chức năng động lực phát triển vùng tỉnh. Phân tích ảnh hưởng của chế độ thủy văn các sông lớn như sông Đa Dâng (Đạ Đờn), sông La Ngà, sông Đa Nhim... đến các khu vực có tiềm năng phát triển. Đánh giá tiềm năng quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng; xác định các khu vực có tiềm năng về tự nhiên, có thể khai thác tạo động lực phát triển kinh tế, đô thị vùng tỉnh; đánh giá các tai biến thiên nhiên (nếu có); vấn đề biến đổi khí hậu đến chiến lược phát triển đô thị.

- Đánh giá thực trạng và nguồn lực phát triển vùng: Hiện trạng kinh tế - xã hội, các biến động dân số, lao động, tăng trưởng đô thị hóa, đất xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng phân bố hệ thống các đô thị, tính chất, chức năng, quy mô, tỷ lệ đô thị hóa, động lực phát triển, thực trạng quản lý đô thị. Mối liên kết đô thị - nông thôn. Hiện trạng mạng lưới hạ tầng kinh tế, xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật điện rộng.

- Đánh giá công tác quản lý thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 (Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng); đánh giá các quy hoạch chuyên ngành về đô thị, nông thôn, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật...

- Đánh giá tổng hợp: Đánh giá các vấn đề về hiện trạng và bổ sung các nội dung cần điều chỉnh phù hợp với thực tế phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lâm Đồng. Phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với các yếu tố nhằm phát triển thế mạnh của khu vực (SWOT). Đề xuất các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch điều chỉnh.

c) Dự báo quy mô dân số và đất đai (đến năm 2025 và năm 2035), phân vùng phát triển không gian, các cơ sở động lực kinh tế - xã hội. Xác lập tiền đề phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội vùng tỉnh.



d) Định hướng phát triển không gian vùng tỉnh

- Xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn phải phù hợp với định hướng phát triển đô thị toàn quốc, vùng Tây Nguyên.

- Đề xuất khung phát triển vùng, phân bố các vùng kinh tế động lực, như: Vùng đô thị hóa, vùng du lịch, vùng công nghiệp tập trung, chế biến khoáng sản (bô xít), dịch vụ trung chuyên hàng hoá, vùng sản xuất nông lâm nghiệp chủ đạo, các trục kinh tế - đô thị chủ đạo, đô thị trung tâm cấp vùng và tiểu vùng, các đô thị chuyên ngành... gắn với việc bảo vệ tài nguyên rừng của quốc gia, đảm bảo khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên và hệ thống khung hạ tầng kỹ thuật chính; đảm bảo mối liên kết đô thị - nông thôn. Hình thành các khu trọng điểm về du lịch, công nghiệp, vùng sinh thái nông nghiệp (nông trường, lâm trường), vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên, tài nguyên của vùng và quốc gia (bảo vệ rừng đầu nguồn) đáp ứng với yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đề xuất tổ chức không gian hệ thống đô thị, danh mục các đô thị nâng cấp mở rộng, đô thị xây mới, phân cấp loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, tính chất, chức năng và quy mô các đô thị. Xác định vai trò và các nguyên tắc phát triển thành phố Đà Lạt và các đô thị vệ tinh, các đô thị động lực tiểu vùng; các đô thị chuyên ngành gắn với vùng du lịch sinh thái, vùng công nghiệp, các hành lang đô thị hoá mật độ cao.

- Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng và quốc gia, về các lĩnh vực: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ và đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng và có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh của tỉnh; là trung tâm du lịch, đặc biệt là du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo, du lịch sinh thái và du lịch canh nông của vùng và cả nước; trung tâm đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học của cả nước. Là khu vực sản xuất chế biến, xuất khẩu rau hoa chất lượng cao của vùng, cả nước và quốc tế, xác định các chức năng hỗ trợ phát triển tại khu vực phụ cận thành phố Đà Lạt.

- Phát triển về du lịch của thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc, Đức Trọng, các đô thị vệ tinh và các khu du lịch chuyên đề quốc gia hồ Tuyên Lâm, khu du lịch tổng hợp quốc gia Đan Kia - Suối Vàng, khu du lịch sinh thái hồ Đại Ninh, Tuyên Lâm với bảo vệ rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học, môi trường cảnh quan.

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

- Khu dân cư nông thôn: Xác định mô hình làng đô thị xanh, cải tạo chỉnh trang thị trấn, giữ gìn bản sắc văn hoá làng cũ gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao... cư trú nông thôn gắn với các vùng sản xuất theo hướng tập trung áp dụng công nghệ cao, vùng ngập lũ tại hạ lưu các sông

Đa Dâng (Đạ Đờn), sông La Ngà, sông Đa Nhim... Tạo lập động lực phát triển một số khu dân cư nông thôn tập trung theo hướng hình thành đô thị loại V; kết nối với các đô thị đã có, hệ thống hạ tầng vùng tỉnh, các khu vực công nghiệp, du lịch, thương mại tập trung.

đ) Định hướng phân bố và xác định quy mô mạng lưới công trình hạ tầng kinh tế - xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ cấp vùng; trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị cấp vùng và quốc gia. Đối với vùng chức năng đặc thù phải xác định các trung tâm chuyên ngành theo chức năng đặc thù. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, phải xác định hệ thống các trung tâm công cộng dọc tuyến.

- Bố trí các trung tâm đào tạo đa ngành cấp vùng (các trung tâm giáo dục, đào tạo nghề, trường đại học, văn hóa, nghệ thuật, y tế, thể dục thể thao); trung tâm nghiên cứu hạt nhân, sinh học cấp quốc gia; trung tâm du lịch cấp quốc gia và quốc tế.

- Đề xuất các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp tiểu vùng, cấp vùng dọc các tuyến giao thông quan trọng như đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt, quốc lộ 20, 55, 27, 28... và đáp ứng yêu cầu trở thành trung tâm giao thoa giữa các vùng kinh tế lớn của quốc gia.

- Đề xuất các vùng hoặc khu du lịch, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ các vùng tự nhiên, các khu vực bảo vệ cảnh quan môi trường như vườn quốc gia Cát Tiên, khu dự trữ sinh quyển thế giới LangBiang. Các điểm du lịch cảnh quan, văn hóa - lịch sử nổi tiếng như Madagui, hồ Đan Kia - Suối Vàng, núi LangBiang, xã Lát, hồ Suối Vàng; hồ Tuyên Lâm với hệ thống cáp treo, chùa Trúc Lâm, các thác nước Đantala và Prenn, khu Thác Voi...

- Phát triển nông nghiệp trồng cà phê, chè, chuyên canh rau, hoa, nuôi gia súc, gia cầm kết hợp với phát triển du lịch canh nông.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng: Định hướng khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình đầu mối kỹ thuật cấp vùng, nối kết tỉnh Lâm Đồng với các vùng lân cận và đáp ứng yêu cầu phát triển nội vùng.

- Về giao thông: Xác định khung giao thông, các công trình đầu mối giao thông toàn vùng tỉnh, nối kết giữa các đô thị và các khu vực đầu tư trọng điểm trong tỉnh, nối kết vùng với đầu mối giao thông quốc gia (sân bay, đường sắt...). Đề xuất quy mô và tuyến các trục hành lang giao thông quốc tế, quốc gia, giao thông nội tỉnh để tăng hiệu quả khai thác các quỹ đất mới tại các vùng huyện, kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp với các trung tâm đô thị của

tỉnh. Đề xuất phát triển hệ thống giao thông gắn kết vùng với các vùng lân cận, vùng quốc gia, quốc tế trên cơ sở các tuyến giao thông chính như quốc lộ 20, 55, 27, 28; cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; đường Trường Sơn Đông...; đường cao tốc Liên Khương - Prenn, ga Đà Lạt, sân bay Liên Khương... Đồng thời các giải pháp kết nối nội vùng phù hợp với mô hình phát triển vùng tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất mạng lưới giao thông đối ngoại bao gồm đường bộ, đường hàng không, đường sắt, ga trung chuyển.

- Về chuẩn bị kỹ thuật: Xác định các giải pháp khai thác quỹ đất thuận lợi xây dựng và cảnh báo khai thác quỹ đất các vùng địa chất tự nhiên. Giải pháp tạo quỹ đất xây dựng các vùng đô thị hóa, khu công nghiệp tập trung; khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, các giải pháp chống ngập lụt, tai biến địa chất... kết hợp với hệ thống thủy lợi, tiêu thoát lũ của vùng; phân tích, đánh giá về địa hình, các biến đổi khí hậu, các biến động địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng; đề xuất các giải pháp về san nền, thoát nước, phòng chống và xử lý các biến động địa chất, ngập lụt; xác định cao độ nền của các đô thị. Lưu ý lồng ghép với các kịch bản biến đổi khí hậu; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính; cập nhật quy hoạch thủy lợi của vùng nghiên cứu.

- Về cấp nước: Dự báo tổng hợp nhu cầu cấp nước toàn vùng, đặc biệt cho các vùng tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch và các dịch vụ thương mại. Rà soát các dự án hồ cấp nước trên địa bàn, đề xuất giải pháp cấp nước theo hệ thống diện rộng trên toàn tỉnh và cho các phân vùng, xem xét đến một số khu vực xây dựng tập trung lớn. Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là các hệ thống hồ cấp nước.

- Về cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng điện toàn tỉnh, đề xuất giải pháp bố trí các công trình đầu mối cấp điện, mạng lưới các tuyến điện cao thế; nghiên cứu đề xuất các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác.

- Thoát nước thải: Xác định tổng quy mô nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất công nghiệp, đề xuất các công trình đầu mối thu gom xử lý.

- Quản lý chất thải rắn: Dự báo tổng quy mô khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, y tế; đề xuất các địa điểm, quy mô công trình đầu mối xử lý chất thải rắn quy mô công nghiệp.

- Nghĩa trang: Xác định quy mô, địa điểm nghĩa trang đến cấp tiểu vùng, đề xuất các hình thức an táng không ảnh hưởng đến môi trường và phù hợp với văn hoá địa phương.

g) Đánh giá môi trường chiến lược vùng: Khoanh vùng và đề xuất các giải pháp bảo vệ rừng bảo tồn, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan...; dự báo và đề xuất giải pháp đối với các tác động đô thị hoá, đặc biệt là các vùng có nguy cơ gây ra ô nhiễm tại

các khu, cụm công nghiệp tập trung, khu khai thác khoáng sản, khu bệnh viện, khu xử lý nước thải, xử lý rác, nghĩa trang tập trung; các vùng bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu...; đề xuất các phân vùng bảo vệ môi trường; chiến lược bảo vệ môi trường; định hướng các giải pháp về quy hoạch bảo vệ môi trường, các giải pháp quản lý, kỹ thuật giảm thiểu các tác động môi trường.

h) Các chương trình và dự án chiến lược: Đề xuất Chương trình phát triển hệ thống đô thị, Chương trình định canh định cư, sắp lại dân cư khu vực vùng sạt lở, vùng sâu vùng xa, xây dựng nông thôn mới, Chương trình cung cấp nước sạch đô thị, nông thôn, Chương trình thoát nước đô thị, Chương trình trồng rừng và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng cảnh quan, vườn quốc gia. Các dự án phát triển đô thị; đường vành đai liên đô thị, nâng cấp hệ thống giao thông tăng tính kết nối các đô thị trung tâm và vùng nông thôn, nâng cấp các tuyến đường trục liên kết đô thị trung tâm vùng, tiểu vùng với quốc lộ, đường tỉnh và vùng phụ cận.

i) Các yêu cầu về quản lý xây dựng vùng: Đề xuất các yêu cầu quản lý quy hoạch và xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn nhằm bảo vệ vùng cảnh quan tự nhiên, vùng nông lâm ngư nghiệp, sử dụng tiết kiệm và khai thác có hiệu quả quỹ đất, tạo lập không gian đô thị hóa mới cho tỉnh Lâm Đồng.

5. Hồ sơ sản phẩm:

Hồ sơ sản phẩm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

6. Tiến độ thực hiện: 15 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

7. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập và trình duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng theo quy định; bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế;
- Ủy ban Dân tộc;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, NC, V.III, KGVX;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN 42

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

www.LuatVietnam.vn